| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐÔNG HẢI**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST
Ngày: 24-01-2022
(V/v Tranh chấp hợp đồng xây dựng)

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI, TỈNH BẠC LIÊU**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Quang Minh Nghiêm.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Nguyễn Văn Tịnh.

2/. Ông Nguyễn Văn Tâm.

***Thư ký phiên tòa***: Ông Trương Quốc Đại là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Trung Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST-KDTM ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc "tranh chấp hợp đồng xây dựng", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2021/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Trần Minh S, sinh năm 1946 – chủ doanh nghiệp tư nhân ST.

Địa chỉ: ấp HT, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

**Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LB.

Địa chỉ: TDP 12, thị trấn PT, huyện KP, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1979, chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc.

(ông S, ông T có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 07/4/2021 trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Trần Minh S trình bày:*

Ngày 16/01/2021 âm lịch (ngày 27/02/2021 dương lịch), ông Trần Văn T là người đại diện theo ủy quyền của Chi nhánh 3 - tại Bạc Liêu cùng ông ký hợp đồng xây dựng trạm xăng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LB (sau đây gọi tắt là Công ty), nội dung hợp đồng ông xây dựng cho Công ty các hạng mục:

- Hầm bồn xăng dầu, đổ bê tông cốt thép đáy 01 tấc; Đổ 04 cột 20 x 20 cao 2m. Đổ đà 20 x 20, xây tường 20 cao 2m, diện tích 3m6 x 4m5 tô một mặt trong, không đổ đà dằn, không sơn phết.

- Đổ 06 cái móng 12x12, dày 01 tấc vuốt bánh ú; Đổ cổ cột 40x40 cao hơn cốt nền 20 phân (0,2m). Ban nền cát lấp, trải nhựa và vô thép phi 10 A20 (nghĩa là khoảng cách từng cây sắt là 20cm). Đổ bê tông tươi dày 01 tấc. Bên A (Công ty) chịu trả tiền bê tông tươi và đồng thời bên B đổ thêm 06 cây cột bê tông 40x40, cao 4m5, tô lán bắt 01 cọng chỉ đầu cột 10 phân (0,1m), không sơn phết.

- Ngoài ra, hạng mục phát sinh ngày 10/3/2021 là bên B làm thêm ban nền, trải nhựa, bô thép phi 10 A20 (nghĩa là khoảng cách từng cây sắt 20cm) diện tích 300m$^2$ tiền công 15.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận tiền công xây hầm bồn xăng dầu là 20.000.000 đồng; Đổ 06 cột bê tông 40x40 là 30.000.000 đồng; Ban nền, trải nhựa, bô thép diện tích 500m$^2$ là 25.000.000 đồng (thực tế diện tích thi công 489.2m$^2$ tiền công 24.460.000 đồng).

Tổng tiền công là 74.460.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty đã trả 55.000.000 đồng. Còn lại 19.460.000 đồng Công ty chưa trả. Ông đồng ý trừ lại 1.000.000 đồng tiền 06 cây cột ông chưa tô bóng, số tiền còn lại 18.460.000 đồng ông yêu cầu Công ty trả.

Ngoài các công việc trong hợp đồng ngày 16/01/2021 âm lịch, ông còn xây dựng thêm các hạng mục theo yêu cầu của ông Phạm Ngọc T gồm:

- Vô thép A20 ngang 2m dài 12.3m, đổ bê tông cao (dày) 0,08m; đổ bê tông cao 0.08m dài 5m, không có vỉ sắt.

- Xây 03 chân bơm xăng (chân trụ bơm) ngang 1.2m dài 3m, cao 0.32m;

- Xây đường mương (đường ống) dẫn dầu cao 0.2m, dài 17.3m; đường mương vô chân bơm cao 0.5m, dài 1m.

- Đổ đan đậy đường mương dẫn dầu dài 17.3m, mỗi tấm ngang 0.5m, dài 1m.

- Đổ 0.8m$^3$ bê tông.

Các công việc này phía Công ty yêu cầu ông làm chỉ bằng lời nói, không làm hợp đồng bổ sung. Ông yêu cầu Công ty trả tiền công xây dựng cho ông đối với các hạng mục phát sinh thêm số tiền 13.200.000 đồng cụ thể:

- 02 thợ, tiền công 11 ngày x 02 người x 350.000 đồng = 7.700.000 đồng;

- 02 phụ hồ, tiền công: 11 ngày x 02 người x 250.000 đồng = 5.500.000 đồng.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH một thành viên LB trả cho ông tiền công xây dựng trạm xăng dầu tổng số tiền 31.660.000 đồng ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

*Ông Phạm Ngọc T trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:*

Ngày 16/01/2021 âm lịch, Chi nhánh 3 - công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LB tại Bạc Liêu ký với ông Trần Minh S – chủ doanh nghiệp tư nhân ST hợp đồng thi công xây dựng, nội dung ông S xây dựng trạm xăng dầu cho Công ty tại ấp CG A, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu các hạng mục sau:

- Hầm bồn xăng dầu, đổ bê tông cốt thép đáy 01 tấc; Đổ 04 cột 20 x 20 cao 2m. Đổ đà 20 x 20, xây tường 20 cao 2m, diện tích 3m6 x 4m5 tô một mặt trong, không đổ đà dằn, không sơn phết.

- Đổ 06 cái móng 12x12, dày 01 tấc vuốt bánh ú; Đổ cổ cột 40x40 cao hơn cốt nền 20 phân (0,2m). Ban nền cát lấp, trải nhựa và vô thép phi 10 A20 (nghĩa là khoảng cách từng cây sắt là 20cm). Đổ bê tông tươi dày 01 tấc. Bên A (Công ty) chịu trả tiền bê tông tươi và đồng thời bên B đổ thêm 06 cây cột bê tông 40x40, cao 4m5, tô lán bắt 01 cọng chỉ đầu cột 10 phân (0,1m), không sơn phết.

- Ngoài ra, hạng mục phát sinh ngày 10/3/2021 là bên B làm thêm ban nền, trải nhựa, bô thép phi 10 A20 (nghĩa là khoảng cách từng cây sắt 20cm) diện tích 300m$^2$ tiền công 15.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận tiền công xây hầm bồn xăng dầu là 20.000.000 đồng; Đổ 06 cột bê tông 40x40 là 30.000.000 đồng; Bô thép nền 200m$^2$ tiền công 10.000.000 đồng; ban nền, trải nhựa, bô thép diện tích 300m$^2$ tiền công 15.000.000 đồng.

Tiền công xây dựng là 75.000.000 đồng. Tuy nhiên, do diện tích thi công chỉ 489.2m$^2$ tiền công 24.460.000 đồng, nên tiền công của hợp đồng là 74.460.000 đồng. Công ty đã thanh toán cho ông S 60.000.000 đồng, trong đó 55.000.000 đồng tiền mặt và 5.000.000 đồng Công ty trả tiền đào đất để xây hầm xăng dầu, đào 06 hố móng để xây 06 cây cột thay cho ông S. Theo thỏa thuận giữa Công ty với ông S thì chi phí đào hố móng và hầm xăng ông S chịu (việc thỏa thuận chỉ bằng lời nói), Công ty còn nợ ông S 15.000.000 đồng.

Các hạng mục trong hợp đồng S chưa thực hiện hoàn chỉnh, cụ thể: hầm bồn xăng dầu ông S chưa xây nắp, Công ty phải thuê ông T hoàn thiện, tiền công 8.000.000 đồng; 06 cây cột bê tông 40x40 cao 4m5, ông S chưa tô, Công ty thuê ông T sơn hết 1.000.000 đồng.

Đối với các hạng mục ông S trình bày là xây dựng phát sinh thêm như đã nêu trên. Ông thừa nhận ông S có xây dựng theo yêu cầu của Công ty và đã hoàn thành xong. Tuy nhiên, các hạng mục này là phải có, phải gắn liền với trạm xăng để trạm xăng có thể hoạt động được, không thể tách rời nên không thể xác định là công việc phát sinh ngoài hợp đồng. Trước khi xây dựng trạm xăng, ông có dẫn ông S đến cây xăng của Công ty đã xây dựng xong tại thị xã GR cho ông S xem, khi đi có ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: ấp HT, xã LĐ là người làm công (thợ hồ) của ông S đi cùng và chứng kiến việc xem hầm xăng hoàn chỉnh.

Hiện nay ông S khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LB trả tiền công xây dựng trong hợp đồng và tiền công xây dựng các công việc phát sinh tổng số tiền 31.660.000 đồng Công ty không đồng ý.

Trong quá trình tố tụng ông có yêu cầu đối trừ tiền chi phí Công ty thuê ông T sơn 06 cây cột 1.000.000 đồng và tiền hoàn thiện hầm xăng dầu 8.000.000 đồng, Tòa án và Hội đồng xét xử có giải thích cho ông làm đơn để yêu cầu phản tố nhưng ông không thực hiện. Yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

*Về nội dung vụ án:*

Các đương sự thống nhất xác định Chi nhánh 3 công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LB tại Bạc Liêu ký hợp đồng xây dựng với ông S, tiền công xây dựng là 74.460.000 đồng.

Tại biên bản thẩm định tại chổ ngày 02/6/2021 các đương sự thống nhất xác định các hạng mục phải xây dựng ông S đã thực hiện xong. Như vậy, có căn cứ xác định ông S đã thực hiện đầy đủ công việc đã thỏa thuận.

Ông S xác định Công ty đã trả 55.000.000 đồng, còn Công ty xác định đã trả 60.000.000 đồng nhưng Công ty không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ chấp nhận. Như vậy, có căn cứ xác định Công ty còn nợ ông S 19.460.000 đồng. Ông S tự nguyện đối trừ 1.000.000 đồng tiền Công ty thuê ông T sơn 06 cây cột. Số tiền còn lại 18.460.000 đồng Công ty có nghĩa vụ trả cho ông S là phù hợp.

Đối với phần công việc phát sinh ông S có yêu cầu, Công ty cho rằng đây là những công việc gắn liền với xây dựng trạm xăng, không thể tách rời. Xét thấy trong hợp đồng không thể hiện phía ông S có trách nhiệm thực hiện. Qua thẩm định thực tế ông S có xây dựng các hạng mục này do đó cần chấp nhận yêu cầu này của ông S.

Tiền công xây dựng các hạng mục phát sinh ông S được xem xét chấp nhận trong 08 ngày và 01 giờ công số tiền 9.750.000 đồng.

Tổng số tiền ông S được chấp nhận là 28.210.000 đồng.

Án phí, chi phí thẩm định đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: ông Trần Minh S – chủ doanh nghiệp tư nhân ST khởi kiện tranh chấp hợp đồng xây dựng đã ký với Chi nhánh 3 – Công ty TNHH một thành viên LB Tại Bạc Liêu, hợp đồng xây dựng được thực hiện tại ấp CG A, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động ngày 04/7/2017 thì Chi nhánh 3 – Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên LB tại Bạc Liêu là chi nhánh của Công ty TNHH Một thành viên LB. Căn cứ vào khoản 1 Điều 45 Luật doanh nghiệp, khoản 1 Điều 84 Bộ luật dân sự, xác định Công ty TNHH Một thành viên LB là bị đơn trong vụ án.

Tại đơn khởi kiện ông S yêu cầu Công ty trả 33.200.000 đồng, tại phiên tòa ông S thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty trả 31.660.000 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông S.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu của ông Trần Minh S yêu cầu công ty LB trả tiền trong hợp đồng xây dựng 18.460.000 đồng.

Các đương sự thống nhất xác định: Hợp đồng xây dựng ngày 16/01/2021, giá trị hợp đồng là 75.000.000 đồng trong đó tiền công làm sân 500m$^2$ là 25.000.000 đồng (50.000 đồng/01m$^2$). Tuy nhiên, khi thẩm định diện tích sân là 489.2m$^2$ tiền công 24.460.000 đồng nên tổng giá trị hợp đồng phải là 74.460.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận là sự thật.

Ông S xác định Công ty đã trả 55.000.000 đồng. Công ty cho rằng đã trả 60.000.000 đồng, trong đó trả 55.000.000 đồng tiền mặt và 5.000.000 đồng Công ty trả cho chủ xe cuốc CT thay cho ông S nhưng ông S không thừa nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Công ty có nghĩa vụ cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh là đã trả thay cho ông S 5.000.000 đồng. Do Công ty không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên xác định số tiền còn lại Công ty còn nợ ông S 19.460.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông S tự nguyện đối trừ 1.000.000 đồng tiền chi phí Công ty đã bỏ ra để thuê ông T sơn 06 cột xi măng, số tiền còn lại 18.460.000 đồng ông yêu cầu Công ty trả, xét thấy là phù hợp nên buộc Công ty có nghĩa vụ trả cho ông S số tiền 18.460.000 đồng.

[2.2]. Xét yêu cầu của ông S về yêu cầu Công ty hoàn trả tiền công của những hạng mục phát sinh gồm:

- Vô thép A20 ngang 2m dài 12.3m, đổ bê tông cao (dày) 0,08m; đổ bê tông cao 0.08m dài 5m, không có vỉ sắt.

- Xây 03 chân bơm xăng (chân trụ bơm) ngang 1.2m dài 3m, cao 0.32m;

- Xây đường mương (đường ống) dẫn dầu cao 0.2m, dài 17.3m; đường mương vô chân bơm cao 0.5m dài 1m.

- Đổ đan đậy đường mương dẫn dầu dài 17.3m, mỗi tấm ngang 0.5m, dài 1m.

- Đổ 0.8m$^3$ bê tông.

Tổng số tiền công là 13.200.000 đồng.

Tại biên bản thẩm định ngày 02/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, các đương sự thống nhất xác định thực tế ông S có xây dựng những hạng mục nêu trên. Công ty cho rằng đây là những hạng mục gắn liền với trạm xăng dầu, không thể xác định là công việc phát sinh nên không đồng ý trả.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo hợp đồng thi công xây dựng ký ngày 16/01/2021 giữa ông S với Chi nhánh 3 thì không thể hiện ông S phải thực hiện những công việc nêu trên. Ngoài ra, hợp đồng cũng thể hiện *"các hạng mục phát sinh thêm thì bên A (Công ty) phải bàn bạc cụ thể với bên B và thống nhất đưa vào thực hiện"*. Tại phiên tòa, đại diện Công ty cũng thừa nhận các hạng mục ông S xây dựng đều theo yêu cầu của Công ty. Cho nên, ông S yêu cầu phía công ty thanh toán là có căn cứ chấp nhận.

Ông S có cung cấp sổ theo dõi việc chấm công, xét thấy sổ do ông S tự ghi nên cần xem xét lại cho phù hợp. Qua xác minh những người làm công cho ông S, chứng minh được ông S có thuê ông T, P (thợ), L, N (phụ hồ) làm công trong 01 ngày 01 giờ; ông T, 7 H (thợ) chị N và ông S (phụ hồ) thực hiện công việc trong 07 ngày công.

Số tiền được xem xét là: 8 ngày x 1.200.000 đồng/01 ngày = 9.600.000 đồng. 01 giờ công số tiền 150.000 đồng.

Như vậy, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông S về yêu cầu Công ty trả tiền công của phần xây dựng phát sinh số tiền 9.750.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, tổng số tiền ông S yêu cầu được Tòa án chấp nhận là 28.210.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của ông S số tiền 3.450.000 đồng.

[2.3]. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Công ty có yêu cầu đối trừ số tiền Công ty đã bỏ ra để thuê ông Nguyễn Văn T sơm 06 cột số tiền 1.000.000 đồng và hoàn thiện hầm xăng dầu là 8.000.000 đồng. Đối với số tiền 1.000.000 đồng ông S đã tự nguyện đối trừ, số tiền 8.000.000 đồng còn lại Tòa án đã giải thích cho ông Phạm Ngọc T về thủ tục phản tố đối với ông S yêu cầu đối trừ số tiền trên theo quy định tại Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T không thực hiện nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[2.4]. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm ông S phải chịu đối với số tiền không được Tòa án chấp nhận là 3.000.000 đồng, ông S là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn nộp tiền án phí cho ông S. Hoàn trả cho ông S tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000 đồng ngày 26/4/2021 theo biên lai thu tiền số 0001547.

Công ty TNHH một thành viên LB phải nộp án phí là 3.000.000 đồng. Các khoản tiền đương sự nhận và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Chi phí thẩm định số tiền 850.000 đồng ông S đã nộp và quyết toán xong, buộc Công ty có nghĩa vụ hoàn trả cho ông S 425.000 đồng.

Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

## QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 84, Điều 574, 576 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 45 Luật doanh nghiệp; Điều 138, 144 Luật xây dựng.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh S – chủ doanh nghiệp tư nhân S Trang đối với Công ty TNHH Một thành viên LB.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên LB có nghĩa vụ trả cho ông Trần Minh S – Chủ doanh nghiệp tư nhân ST số tiền 28.210.000 đồng.

2/. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Minh S – Chủ doanh nghiệp tư nhân ST yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên LB trả số tiền 3.450.000 đồng.

3/. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Miễn nộp tiền án phí cho ông Trần Minh S – Chủ doanh nghiệp tư nhân ST. Hoàn trả cho ông Trần Minh S 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 26/4/2021 theo biên lai thu tiền số 0001547.

Công ty TNHH Một thành viên LB phải nộp án phí là 3.000.000 đồng. Các khoản tiền đương sự nhận và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Chi phí thẩm định buộc Công ty TNHH Một thành viên LB có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trần Minh S – Chủ doanh nghiệp tư nhân ST 425.000 đồng.

4/. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoảng tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh BL.
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

**Quang Minh Nghiêm**